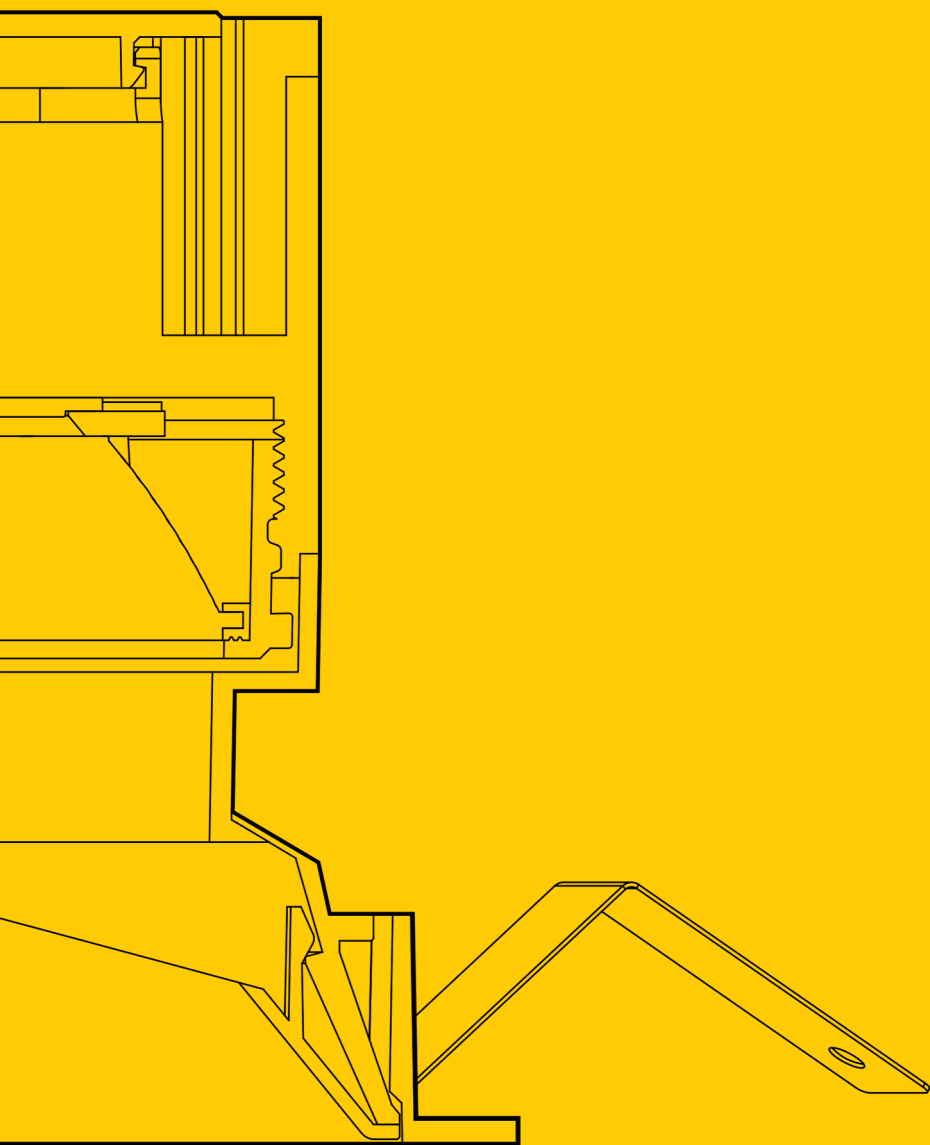




THẾ GIỚI ĐÈN ĐIỆN TP



LED LUMINAIRES

NEW CATALOTPUE 2025
COMMERCIAL LIGHTING

Website: thegioidendientp.com
335 Nguyen Thi Dinh, Binh Trung Tay Ward, District 2, HCMC



LED DOWNLIGHT



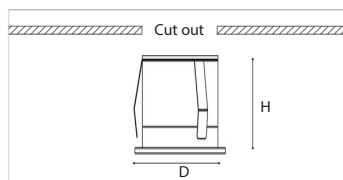
Recessed LED Downlight



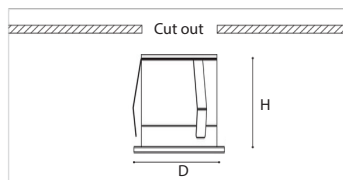
Model	Dimension(mm)	Cut out(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD201-07	Φ83x75	Φ75	5-7W	550lm	340,000
TPD201-09	Φ83x75	Φ75	8-10W	850lm	360,000
TPD201-12	Φ83x75	Φ75	12W	1050lm	380,000
TPDB201-12	Φ105x95	Φ90	8-12W	1050lm	480,000
TPDB201-18	Φ105x95	Φ90	15-18W	1550lm	520,000



Model	Dimension(mm)	Cut out(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD203-7	Φ94*H64	Φ80	7W	600lm	360,000
TPD203-10	Φ94*H64	Φ80	8-10W	900lm	380,000
TPD203-12	Φ94*H64	Φ80	12W	1050lm	400,000

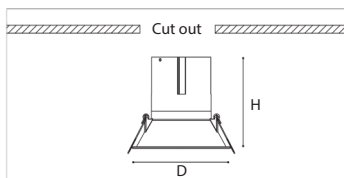


Model	Dimension(mm)	Cut out(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD206-05	Φ45x54	Φ40	3-5W	250lm	340,000
TPD206-07	Φ57x67	Φ50	5-7W	550lm	380,000
TPD206-09	Φ67x71	Φ60	7-9W	750lm	440,000

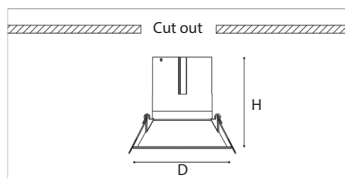


Model	Dimension(mm)	Cut out(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD206M-05	Φ52x50	Φ45	3-5W	350lm	380,000
TPD206M-07	Φ62x55	Φ55	7-9W	750lm	440,000

Recessed LED Downlight

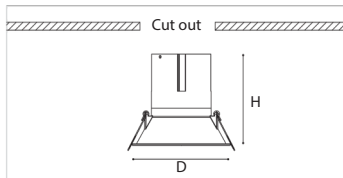
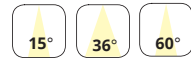


Model	Dimension(mm)	Cut out(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD213-07	Φ85x92	Φ75	5-7W	550lm	340,000
TPD213-10	Φ85x92	Φ75	8-10W	850lm	360,000
TPD213-12	Φ85x92	Φ75	12W	1050lm	380,000
TPDB213-12	Φ105x106	Φ95	8-12W	1050lm	480,000
TPDB213-18	Φ105x106	Φ95	15-18W	1550lm	520,000



Model	Dimension(mm)	Cut out(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD204-07	Φ92x91	Φ80	5-7W	550lm	380,000
TPD204-10	Φ92x91	Φ80	8-10W	850lm	420,000
TPD204-12	Φ92x91	Φ80	12W	1050lm	440,000
TPD204-15	Φ92x91	Φ80	15W	1350lm	480,000

Recessed LED Downlight

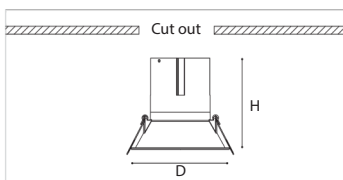


Model	Dimension(mm)	Cut out(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD216-07	Φ85x90	Φ75	5-7W	550lm	380,000
TPD216-10	Φ85x90	Φ75	8-10W	850lm	400,000
TPD216-12	Φ85x90	Φ75	12W	1050lm	420,000
TPD216-15	Φ85x110	Φ75	15W	1350lm	540,000
TPD216-18	Φ85x110	Φ75	18W	1350lm	560,000



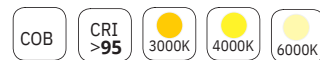
White+Black White Black

Model	Dimension (mm)	Cut out(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD207-7	Φ83x72	Φ75	5-7W	560lm	380,000
TPD207-10	Φ83x72	Φ75	8-10W	850lm	400,000
TPD207-12	Φ83x72	Φ75	12W	1050lm	420,000
TPD207-15	Φ83x72	Φ75	15W	1300lm	440,000



Model	Dimension(mm)	Cut out(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD215-7	Φ88x60	Φ75	5-7W	560lm	340,000
TPD215-10	Φ88x60	Φ75	10W	850lm	360,000
TPD215-12	Φ88x60	Φ75	12W	1050lm	380,000
TPDB215-12	Φ105x70	Φ95	8-12W	1050lm	440,000
TPDB215-18	Φ105x70	Φ95	15-18W	1550lm	480,000

Recessed LED Downlight



Model	Dimension(mm)	Cut out(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD208-10	Φ105x76	Φ90	10W	850lm	400,000
TPD208-12	Φ105x76	Φ90	12W	1050lm	420,000



Model	Dimension (mm)	Cut out(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD209-10	Φ145x60	Φ125	10W	1000lm	420,000
TPD209-12	Φ145x60	Φ125	12W	1200lm	440,000
TPD209-18	Φ145x60	Φ125	15W	1600lm	480,000
TPD209-18	Φ145x60	Φ125	18W	1800lm	520,000

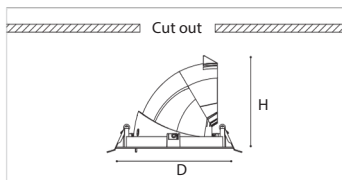


Model	Dimension(mm)	Cut out(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD210-12	Φ120x25	Φ100	12W	1200lm	320,000

Recessed LED Spotlight



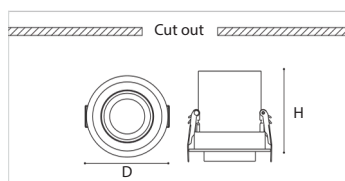
☒ White+Black
 ☐ White



Model	Dimension(mm)	Cut out(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPS201-7	Φ85 x 78	Φ76	7W	560lm	360,000
TPS201-10	Φ85 x 78	Φ76	8-10W	850lm	380,000
TPS201-12	Φ85 x 78	Φ76	12W	1050lm	400,000



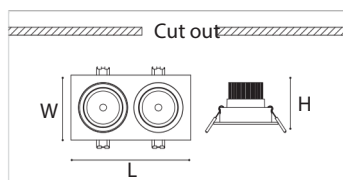
☒ White+Black
 ☐ White



Model	Dimension	Cut out(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPS202-10	Φ85 x 78	Φ76	8-10W	850lm	440,000
TPS202-12	Φ85 x 78	Φ76	12W	1050lm	460,000



☒ White+Black
 ☐ White



Model	Dimension	Cut out(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPS206-14	170x90x77	155x75	2x7W	1230lm	740,000
TPS206-20	170x90x77	155x75	2x10W	1700lm	780,000



SURFACE DOWNLIGHT



Surface Mounted LED Downlight



☒ White+Black
 ☐ White
 ☐ Black

Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD201-10	Φ75x105	10W	850lm	420,000
TPD201-12	Φ75x105	12W	1000lm	440,000
TPDB201-12	Φ90x90	12W	1000lm	520,000
TPDB201-15	Φ90x90	15W	1000lm	540,000

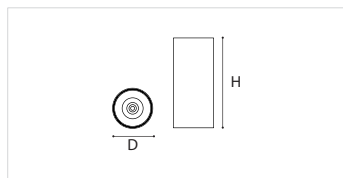


☒ White+Black
 ☐ White
 ☐ Black

Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD202-7	Φ75x100	7W	560lm	520,000
TPD202-10	Φ75x100	8-10W	850lm	540,000
TPD202-12	Φ90x110	12W	1050lm	600,000



☒ White+Black
 ☐ White
 ☐ Black



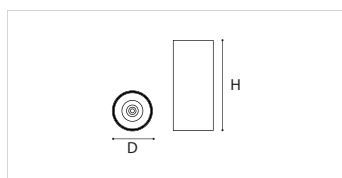
Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD203-7	117x117x55	7W	560lm	480,000
TPD203-10	117x117x55	10W	850lm	500,000
TPD203-12	117x117x55	12W	1020lm	520,000

Surface Mounted LED Panel Light

SMD
<4 SDCM
CRI >90
3000K
4000K
5000K
6000K



White

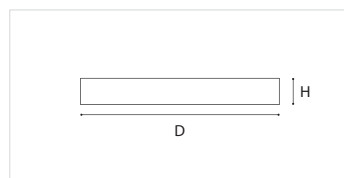


24°

Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD205-7	Φ110x60	7W	560lm	460,000
TPD205-10	Φ110x60	8-10W	850lm	480,000
TPD205-12	Φ110x60	12W	1050lm	500,000



White



120°

Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPD210-12	Φ180x22	12W	960lm	400,000
TPD210-16	Φ180x22	16W	1400lm	500,000



TRACK SERIES - ĐÈN LED RỌI RAY

[TPTC / TPRR / TPGTCN / TPGTCZ / TPRQH]

ƯU ĐIỂM NỔI BẬT

- Chip LED và bộ nguồn từ các thương hiệu nổi tiếng Cho hoạt động bền bỉ và tuổi thọ lâu dài.
- Chất lượng ánh sáng cao, hiệu suất quang lớn CRI > 90, hiệu suất quang từ 90lm/W.
- Không gây hiện tượng nhấp nháy, giảm quang thông giúp bảo vệ thị lực cho người sử dụng.
- Lắp đặt dễ dàng, thao tác thuận tiện Với hệ thống thanh ray lắp nổi, đèn di chuyển tự do trên thanh ray
- Bảo hành chính hãng 02 năm lỗi 1 đổi 1 từ nhà sản xuất.
- Tiết kiệm điện năng lên tới 60% với công nghệ LED hiện đại
- Tuổi thọ cao 50.000 giờ đem lại lợi ích kinh tế và tiết kiệm tối đa chi phí.

ỨNG DỤNG



Nhà ở



Bảo tàng



Quán cafe



Shop thời trang



Cửa hàng



Showroom



Màu sắc



Đặc điểm

- Cấu tạo vỏ nhôm cao cấp giúp tăng hiệu quả tản nhiệt.
- Trục xoay 2 chiều đa năng: ngang 360°, lên-xuống 90°.
- Chất lượng ánh sáng cao với CRI > 85 giúp bảo vệ mắt.

Ứng dụng



Thông số kỹ thuật

Track Series / Model: TPRR

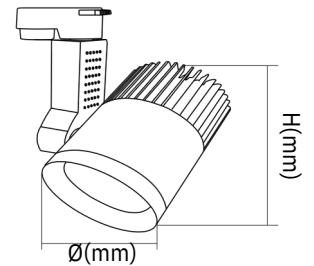
220VAC 50Hz	Luminous Efficiency 90lm/W	CRI 85+	SDCM <6	UGR 16	IP 44	IK 02
----------------	----------------------------------	------------	------------	-----------	----------	----------

Góc chiếu

Hoàn thiện

BEAM 24°

NEMA2 - N



Nguồn

Điện áp (V)	AC 220
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Driver	COB SHENZHEN / SHENZHEN

Cấu tạo

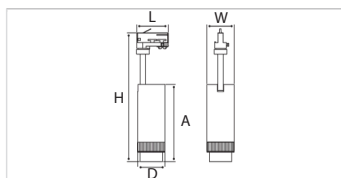
Chất liệu	Hợp kim nhôm
Màu sắc hoàn thiện	Trắng/Đen
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPRR7	7	3000/4000/6000	24	44	Ø45*H75*L140	301,000
TPRR12	12	3000/4000/6000	24	44	Ø70*H90*L160	343,000
TPRR20	20	3000/4000/6000	24	44	Ø85*H125*L180	557,000
TPRR30	30	3000/4000/6000	24	44	Ø85*H135*L180	680,000

SPOTLIGHT TRACK RAIL



○ White ● Black



Model	Power	Luminous flux	Size : L x W x H (D / A)	Price(VND)
-------	-------	---------------	----------------------------	------------

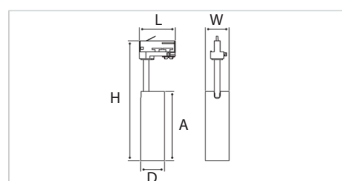
TPP201-7	7W	600lm	Φ60x135	800,000
----------	----	-------	---------	---------

TPP201-12	12W	1000lm	Φ60x135	840,000
-----------	-----	--------	---------	---------

TPP201-15	15W	1300lm	Φ60x135	890,000
-----------	-----	--------	---------	---------



○ White ● Black



Model	Power	Luminous flux	Size : L x W x H (D / A)	Price(VND)
-------	-------	---------------	----------------------------	------------

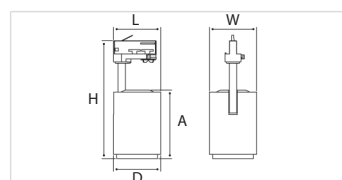
TPP202-7	7W	560lm	Φ50x120	420,000
----------	----	-------	---------	---------

TPP202-10	8-10W	850lm	Φ50x120	440,000
-----------	-------	-------	---------	---------

TPP202-12	12W	1050lm	Φ50x120	460,000
-----------	-----	--------	---------	---------



○ White ● Black



Model	Power	Luminous flux	Dimension	Price(VND)
-------	-------	---------------	-----------	------------

TPP203-7	7W 8-	560lm	Φ50x120	420,000
----------	-------	-------	---------	---------

TPP203-10	10W	600lm	Φ50x120	440,000
-----------	-----	-------	---------	---------

TPP203-12	12W	1000lm	Φ60x135	480,000
-----------	-----	--------	---------	---------

TPP203-18	15W	1350lm	Φ60x135	500,000
-----------	-----	--------	---------	---------

TPP203-18	20W	1600lm	Φ60x135	520,000
-----------	-----	--------	---------	---------

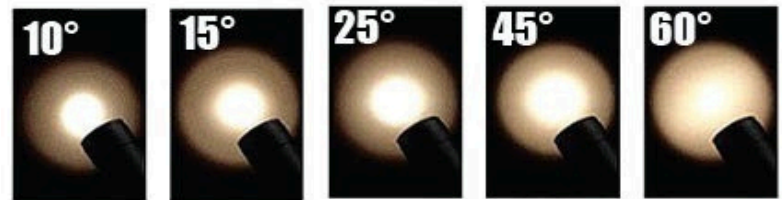


Màu sắc



5 Năm Bảo hành

Zoom không bước: 10° - 60°

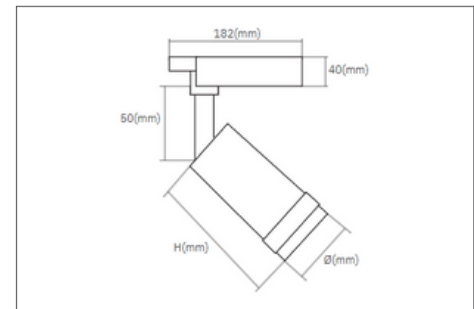
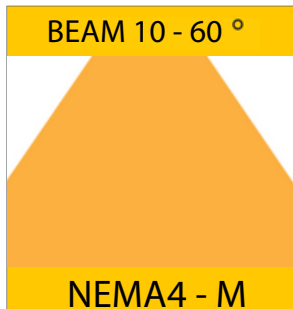


Track Series / Model: GTC

220VAC 50Hz	Luminous Efficiency 120lm/W	CRI 92+	SDCM <3	UGR 13	IP 44	IK 02
----------------	-----------------------------------	------------	------------	-----------	----------	----------

Góc chiếu

Hoàn thiện



Đặc điểm

- Cấu tạo vỏ nhôm cao cấp giúp tăng hiệu quả tản nhiệt.
- Ống thay đổi tiêu cự điều chỉnh góc chiếu từ 10°-60°.
- Khả năng tái tạo màu sắc chân thực với CRI > 92, SDCM <3.

Ứng dụng



BẢO TÀNG



SHOP THỜI TRANG



SHOWROOM

Thông số kỹ thuật

Nguồn

Điện áp (V)	AC 220
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Driver	COB TOYONIA / LIFUD

Cấu tạo

Chất liệu	Nhôm mát
Màu sắc hoàn thiện	Trắng/Đen
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPGTCZ12	12	3000/4000/5000	10 - 60	44	Ø50*H130	689,000
TPGTCZ20	20	3000/4000/5000	10 - 60	44	Ø65*H160	959,000



Đặc điểm

- Cấu tạo vỏ nhôm cao cấp giúp tăng hiệu quả tản nhiệt.
- Ống kính quang học giúp điều chỉnh hình dạng quang sáng.
- Zoom xa gần, thay đổi góc chiếu từ 10°-60°.
- Khả năng tái tạo màu sắc xuất sắc với CRI > 98 và SDCM < 3.

Ứng dụng



BẢO TÀNG



SHOP THỜI TRANG



SHOWROOM

Thông số kỹ thuật

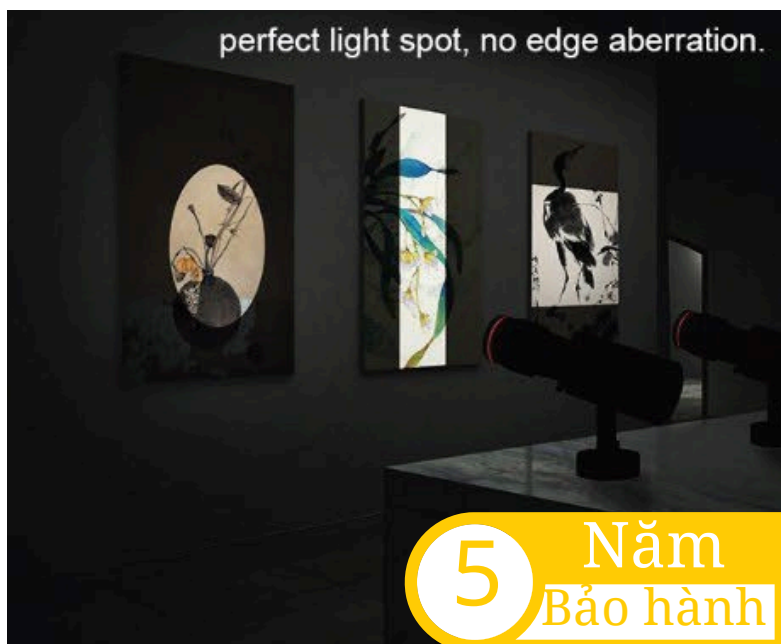
Nguồn

Điện áp (V)	AC 220
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Driver	BRIDGELUX / LIFUD

Cấu tạo

Chất liệu	Nhôm mát
Màu sắc hoàn thiện	Đen
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPRQH10	10	3000/4000/5000	10 - 60	44	Ø60*H175	5,300,000
TPRQH20	20	3000/4000/5000	10 - 60	44	Ø70*H225	7,600,000



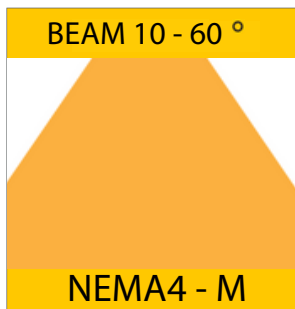
Thay đổi hình dạng quang sáng



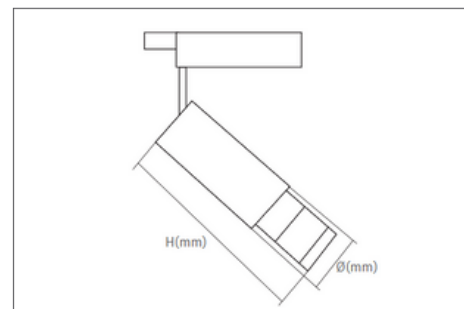
Track Series / Model: TPRQH

220VAC 50Hz	Luminous Efficiency 120lm/W	CRI 98+	SDCM <3	UGR 13	IP 44	IK 02
----------------	-----------------------------------	------------	------------	-----------	----------	----------

Góc chiếu



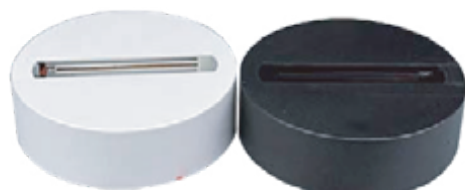
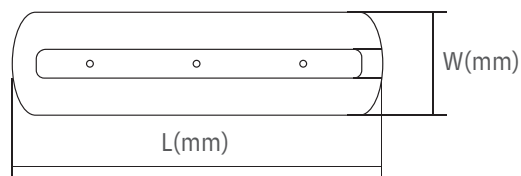
Hoàn thiện



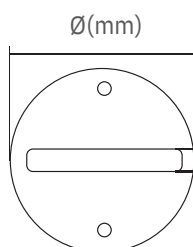
ĐÈ RỌI RAY RỜI



DRD



DRT



Mã SP	Size (mm)	Đơn giá
DRD	L185*W55*H20	50,000
DRT	Ø95*H20	37,000

NỔI RAY



NR-T

Đơn giá
75,000



NR-V

Đơn giá
50,000



NR-I

Đơn giá
50,000

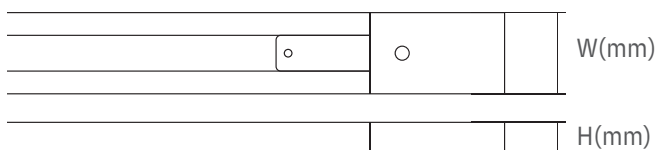


NR-X

Đơn giá
100,000

THANH RAY

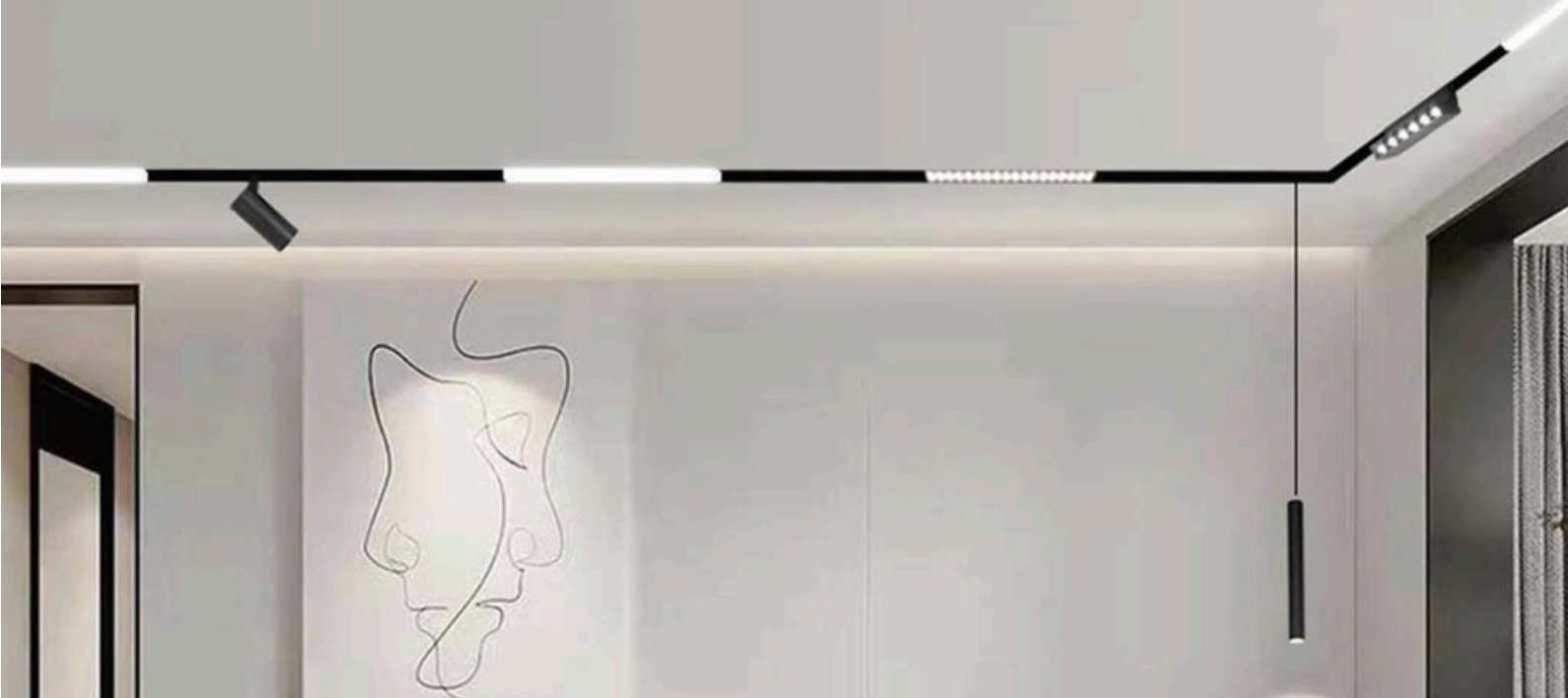
Mã SP	Size (mm)	Đơn giá
RAY1.0	L1000*W32*H15	132,000
RAY1.5	L1500*W32*H15	198,000
RAY2.0	L2000*W32*H15	264,000





LED TRACK MAGNETIC LIGHT





MAGNETO SERIES - ĐÈN LED RAY NAM CHÂM

[TPNCTD / TPNCTQ / TPNCGML / TPNCSP]

ƯU ĐIỂM NỔI BẬT

- Chip LED Osram cao cấp cho hoạt động bền bỉ và tuổi thọ lâu dài.
- Chất lượng ánh sáng cao CRI > 90 cho màu sắc vật thể chân thực.
- Điều khiển từ xa thông minh qua ứng dụng trên smartphone có kết nối bluetooth.
- Dễ dàng lắp đặt, tự do thiết kế sáng tạo với phụ kiện linh hoạt, nhiều module để lựa chọn.
- Bảo hành chính hãng 02 năm lỗi 1 đổi 1 từ nhà sản xuất.
- Tiết kiệm điện năng lên tới 60% với công nghệ LED hiện đại.
- Tuổi thọ cao 50.000 giờ đem lại lợi ích kinh tế và tiết kiệm tối đa chi phí.

ỨNG DỤNG



Nhà ở



Văn phòng



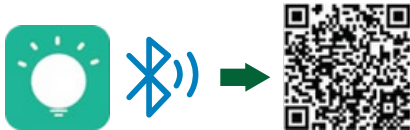
Trường học



Khách sạn



Cửa hàng



Quét để tải xuống app điều khiển



2 Năm Bảo hành

Đặc điểm

- Cấu tạo vỏ nhôm cao cấp giúp tăng hiệu quả tản nhiệt.
- Lắp đặt chắc chắn nhờ chốt an toàn và từ tính mạnh.
- Ánh sáng tỏa và đồng đều nhờ sử dụng chip SMD.

Ứng dụng



NHÀ Ở



VĂN PHÒNG



KHÁCH SẠN

Thông số kỹ thuật

Magneto Series / Model: TPNCTQ

48 VDC	Luminous Efficiency 90lm/W	CRI 90+	SDCM <5	UGR 16	IP 20	DIM
--------	-------------------------------	------------	------------	-----------	----------	-----

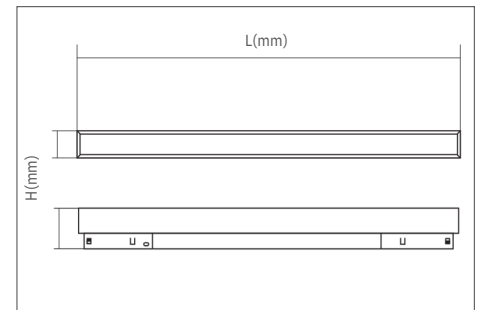
Góc chiếu

Hoàn thiện

BEAM 120 °



NEMA6 - W



Nguồn

Điện áp (V)	DC 48
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	SMD OSRAM / OSRAM

Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Màu sắc hoàn thiện	Đen
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPNCTQ10	10	3000/4000/6000	120	L300*W22*H25	358,000
TPNCTQ10	10	Dimmer 3 màu	120	L300*W22*H25	630,000
TPNCTQ20	20	3000/4000/6000	120	L600*W22*H25	554,000
TPNCTQ20	20	Dimmer 3 màu	120	L600*W22*H25	888,000



Quét để tải xuống app điều khiển



2 Năm Bảo hành

Đặc điểm

- Cấu tạo vỏ nhôm cao cấp giúp tăng hiệu quả tản nhiệt.
- Lắp đặt chắc chắn nhờ chốt an toàn và từ tính mạnh.
- Phù hợp chiếu sáng tranh, chiếu sáng hắt tường, bàn làm việc...

Ứng dụng



NHÀ Ở



VĂN PHÒNG



KHÁCH SẠN

Thông số kỹ thuật

Magneto Series / Model: TPNCTD

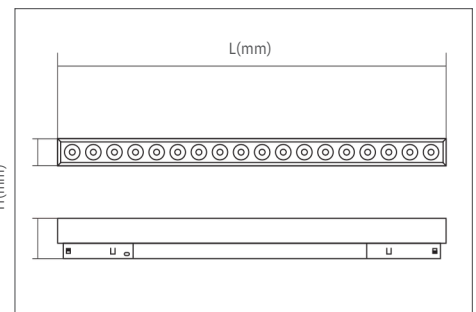
48 VDC	Luminous Efficiency 90lm/W	CRI 90+	SDCM <5	UGR 16	IP 20	DIM
--------	-------------------------------	------------	------------	-----------	----------	-----

Góc chiếu

Hoàn thiện

BEAM 24 °

NEMA2 - N



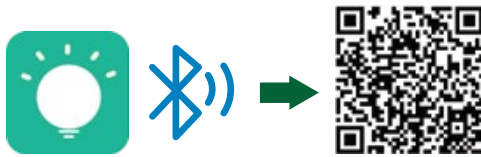
Nguồn

Điện áp (V)	DC 48
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	SMD OSRAM / OSRAM

Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Màu sắc hoàn thiện	Đen
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPNCTD12	12	3000/4000/6000	24	L220*W22*H25	346,000
TPNCTD12	12	Dimmer 3 màu	24	L220*W22*H25	715,000
TPNCTD18	18	3000/4000/6000	24	L330*W22*H25	427,000
TPNCTD18	18	Dimmer 3 màu	24	L330*W22*H25	842,000



Quét để tải xuống app điều khiển



2 Năm Bảo hành

Đặc điểm

- Cấu tạo vỏ nhôm cao cấp giúp tăng hiệu quả tản nhiệt.
- Lắp đặt chắc chắn nhờ chốt an toàn và từ tính mạnh.
- Chính hướng chiếu với thao tác gấp lên - xuống 180°.

Ứng dụng



NHÀ Ở



VĂN PHÒNG



KHÁCH SẠN

Thông số kỹ thuật

Magneto Series / Model: TPNCGML

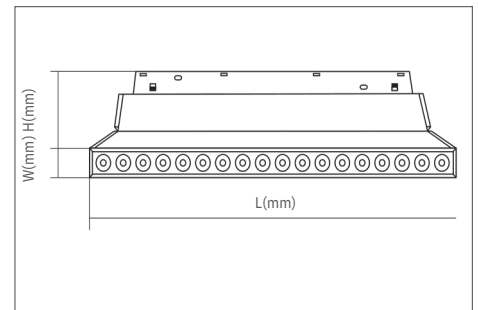
48 VDC	Luminous Efficiency 90lm/W	CRI 90+	SDCM <5	UGR 16	IP 20	DIM
--------	-------------------------------	------------	------------	-----------	----------	-----

Góc chiếu

Hoàn thiện

BEAM 24 °

NEMA2 - N



Nguồn

Điện áp (V)	DC 48
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	COB OSRAM / OSRAM

Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Màu sắc hoàn thiện	Đen
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPNCGML12	12	3000/4000/6000	24	L220*W24*H86	531,000
TPNCGML12	12	Dimmer 3 màu	24	L220*W24*H86	969,000
TPNCGML18	18	3000/4000/6000	24	L330*W24*H86	669,000



2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Cấu tạo vỏ nhôm cao cấp giúp tăng hiệu quả tản nhiệt.
- Lắp đặt chắc chắn nhờ chốt an toàn và từ tính mạnh.
- Trục xoay 2 chiều đa năng: Gập dọc 90°, xoay ngang 360°

Ứng dụng



NHÀ Ở



VĂN PHÒNG



KHÁCH SẠN

Thông số kỹ thuật

Magneto Series / Model: TPNCSP

48 VDC

Luminous
Efficiency
90lm/W

CRI
90+

SDCM
<5

UGR
16

IP
20

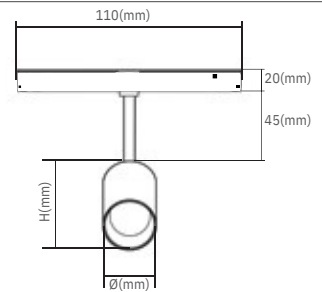
DIM

Góc chiếu

Hoàn thiện

BEAM 24 °

NEMA2 - N



Nguồn

Điện áp (V)	DC 48
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	COB OSRAM / OSRAM

Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Màu sắc hoàn thiện	Đen
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPNCSP12	12	3000/4000/6000	24	Ø60*H120	508,000
TPNCSP12	12	Dimmer 3 màu	24	Ø60*H120	877,000
TPNCSP20	20	3000/4000/6000	24	Ø70*H140	577,000
TPNCSP20	20	Dimmer 3 màu	24	Ø70*H140	923,000

CÔNG NGHỆ IOT ĐƯỢC TÍCH HỢP



Điều Khiển Qua Smartphone



Kết Nối Bluetooth



Kiểm Soát Nhóm

APP ĐIỀU KHIỂN TRÊN SMARTPHONE


Điều Khiển Ray
Đơn giá
173,000

NỐI NGUỒN


TPNNT
Nối Nguồn Thẳng

119,000

TPNNG
Nối Nguồn Góc

149,000

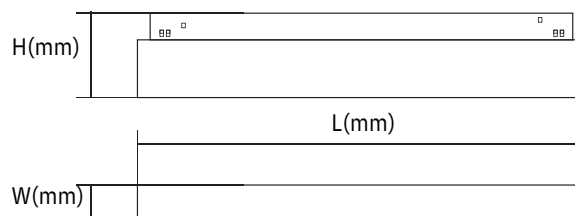

Thanh Nối Ray

40,000


Nắp Bịt Ray

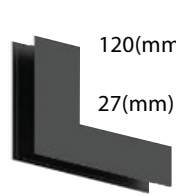
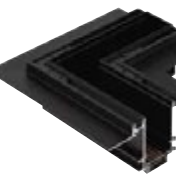
40,000

ĐỔI NGUỒN 48V DC

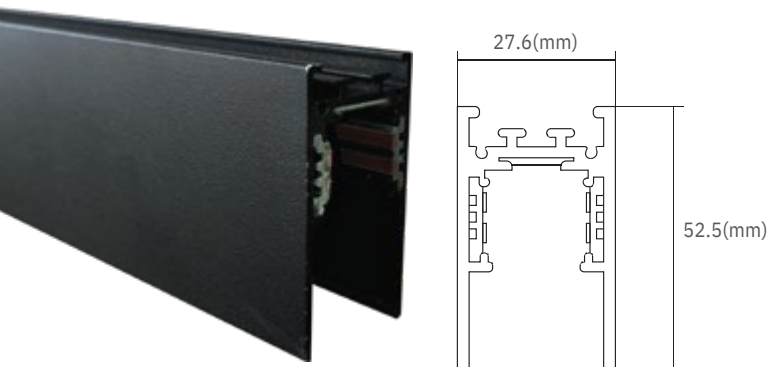


Mã SP	Công suất (W)	Kích thước (mm)	Đơn giá (VND)
TPN48VDC-100	100	L220*W45*H23	1,038,000
TPN48VDC-200	200	L300*W45*H23	1,500,000
TPN48VDC-400	400	L310*W67*H23	2,537,000

NỐI GÓC

TPNGNS901  Nối Góc Nổi - Đứng 295,000	TPNGNS902  Nối Góc Nổi - Trong 295,000	TPNGNS903  Nối Góc Nổi - Ngoài 295,000
TPNGAS1701  Nối Góc Âm - Đứng 312,000	TPNGAS1702  Nối Góc Âm - Trong 312,000	TPNGAS1703  Nối Góc Âm - Ngoài 312,000

THANH RAY

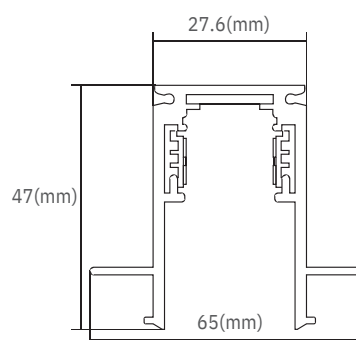


Thanh Ray Nổi

Mã SP	Size (mm)	Đơn giá
TPRNCN-1M	27.6*52.5*L1000	606,000
TPRNCN-2M	27.6*52.5*L2000	1,211,000

Thanh Ray Âm

Mã SP	Size (mm)	Đơn giá
TPRNCA-1M	27.6*47*L1000	606,000
TPRNCA-2M	27.6*47*L2000	1,211,000
TPRNCA-3M	27.6*47*L3000	1,817,000



TPBM0101



12W - 300*22*44 : 360,000
20W - 600*22*44 : 480,000

TPBM0202



6W - 113*22*44: 300,000
12W - 221*22*44: 360,000
18W - 328*22*44: 480,000

TPBM0301-06/12



6W - 113*22*44: 360,000
12W - 221*22*44: 460,000

Recessed lighting rail



1m - 1000*57*48: 440,000
2m - 2000*57*48: 880,000

Surface mounted lighting rail



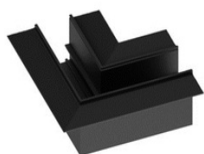
1m - 1000*30*58: 440,000
2m - 2000*30*58: 880,000

TPSM0101



7W - Φ50x100: 400,000
10W - Φ50x100: 430,000
12W - Φ50x100: 460,000

T lighting rail



320,000

POWER SUPPLY



100W - 640,000
200W - 840,000

TPPM0101



740,000

T CONNECTOR



160,000

POWER FEEDER



160,000

I CONNECTOR



150,000



U.S MAGNETO SERIES - RAY NAM CHÂM SIÊU MỎNG

[TPNCMTD / TPNCMTQ / TPNCMGM / TPNCMSP]

ƯU ĐIỂM NỔI BẬT

- Chip LED Osram cao cấp cho hoạt động bền bỉ và tuổi thọ lâu dài.
- Chất lượng ánh sáng cao CRI > 90 cho màu sắc vật thể chân thực.
- Thiết kế ẩn tượng, hiện đại, sang trọng với độ dày ray siêu mỏng chỉ 10mm và trọng lượng nhẹ.
- Dễ dàng lắp đặt, tự do thiết kế sáng tạo với phụ kiện linh hoạt, nhiều module để lựa chọn.
- Bảo hành chính hãng 02 năm lỗi 1 đổi 1 từ nhà sản xuất.
- Tiết kiệm điện năng lên tới 60% với công nghệ LED hiện đại.
- Tuổi thọ cao 50.000 giờ đem lại lợi ích kinh tế và tiết kiệm tối đa chi phí.

ỨNG DỤNG



Nhà ở



Văn phòng



Trường học



Khách sạn



Cửa hàng



2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Cấu tạo vỏ nhôm cao cấp giúp tăng hiệu quả tản nhiệt.
- Lắp đặt chắc chắn nhờ chốt an toàn và từ tính mạnh.
- Phù hợp chiếu sáng tranh, chiếu sáng hắt tường, bàn làm việc...

Ứng dụng



NHÀ Ở



VĂN PHÒNG



KHÁCH SẠN

Thông số kỹ thuật

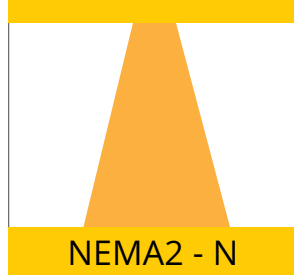
U.S Magneto Series / Model: TPNCMTD

48 VDC	Luminous Efficiency 90lm/W	CRI 90+	SDCM <5	UGR 16	IP 20	IK 02
--------	-------------------------------	------------	------------	-----------	----------	----------

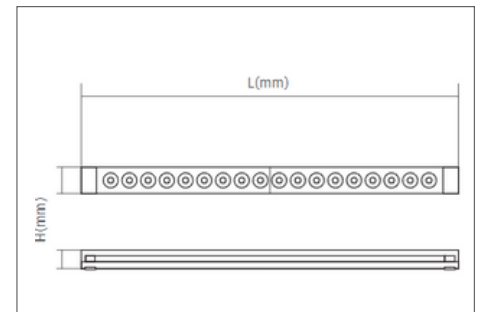
Góc chiếu

Hoàn thiện

BEAM 24 °



NEMA2 - N



Nguồn

Điện áp (V)	DC 48
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	COB OSRAM / OSRAM

Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Màu sắc hoàn thiện	Đen
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPNCMTD10	10	3000/4000	24	L274*W34*H31.2	614,000
TPNCMTD20	20	3000/4000	24	L410*W34*H31.2	903,000



2 Năm Bảo hành

Đặc điểm

- Cấu tạo vỏ nhôm cao cấp giúp tăng hiệu quả tản nhiệt.
- Lắp đặt chắc chắn nhờ chốt an toàn và từ tính mạnh.
- Ánh sáng tỏa và đồng đều nhờ sử dụng chip SMD.

Ứng dụng



NHÀ Ở



VĂN PHÒNG



KHÁCH SẠN

Thông số kỹ thuật

U.S Magneto Series / Model: TPNCMTQ

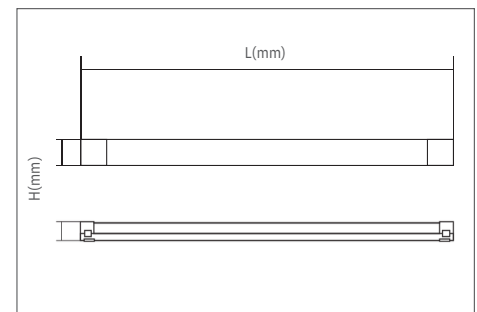
48 VDC	Luminous Efficiency 90lm/W	CRI 90+	SDCM <5	UGR 16	IP 20	IK 02
--------	-------------------------------	------------	------------	-----------	----------	----------

Góc chiếu

Hoàn thiện

BEAM 120°

NEMA6 - W



Nguồn

Điện áp (V)	DC 48
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	SMD OSRAM / OSRAM

Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Màu sắc hoàn thiện	Đen
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPNCMTQ12	12	3000/4000	24	L375*W34*H31.2	540,000
TPNCMTQ24	24	3000/4000	24	L675*W34*H31.2	670,000



2 Năm Bảo hành

Đặc điểm

- Cấu tạo vỏ nhôm cao cấp giúp tăng hiệu quả tản nhiệt.
- Lắp đặt chắc chắn nhờ chốt an toàn và từ tính mạnh.
- Chỉnh hướng chiếu với thao tác gấp lên - xuống 180°.

Ứng dụng



NHÀ Ở



VĂN PHÒNG



KHÁCH SẠN

Thông số kỹ thuật

U.S Magneto Series / Model: TPNCMGM

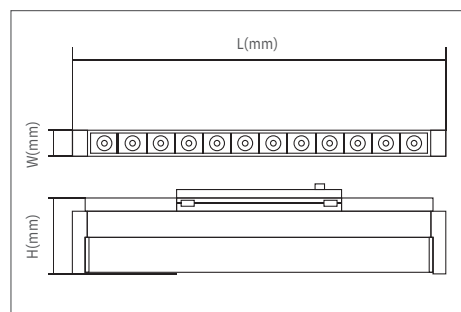
48 VDC	Luminous Efficiency 90lm/W	CRI 90+	SDCM <5	UGR 16	IP 20	IK 02
--------	-------------------------------	------------	------------	-----------	----------	----------

Góc chiếu

Hoàn thiện

BEAM 24 °

NEMA2 - N



Nguồn

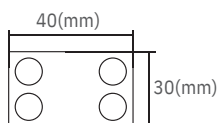
Điện áp (V)	DC 48
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	SMD OSRAM / OSRAM

Cấu tạo

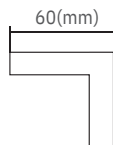
Chất liệu	Hợp kim nhôm
Màu sắc hoàn thiện	Đen
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPNCMGM12	12	3000/4000	24	L236*W34*H59.5	838,000
TPNCMGM18	18	3000/4000	24	L343*W34*H59.5	1,024,000

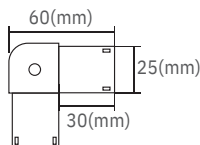
PHỤ KIỆN LẮP ĐẶT



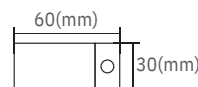
TPNTM
Nối Thẳng
84,000



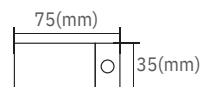
TPNGDM
Nối Góc Đứng
112,000



TPNGNM
Nối Góc Nằm
112,000



TPBNM
Nắp Bịt Nguồn
103,000



TPNNM
Nối Nguồn
75,000

ĐỔI NGUỒN 48V DC



Mã SP	Công suất (W)	Kích thước (mm)	Đơn giá
TPN48VDCM-100	100	L265*W33*H25	894,000
TPN48VDCM-200	200	L265*W33*H25	1,283,000

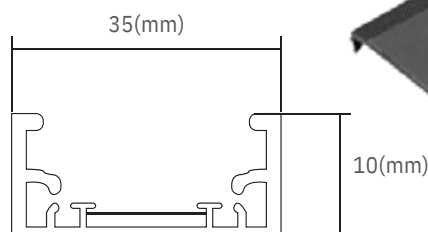
THANH RAY



Điện áp 48V DC an toàn ngay cả khi chạm vào



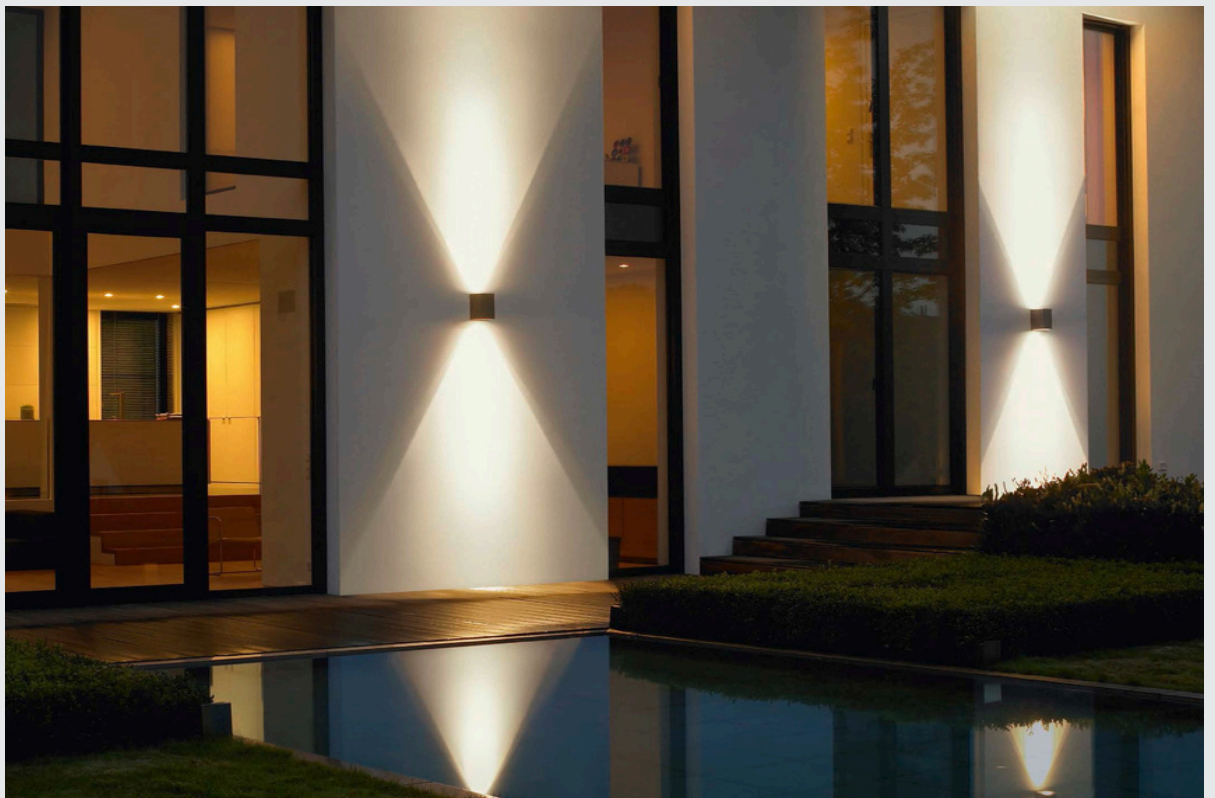
Thiết kế siêu mỏng, nhẹ Không đục trần, xương đỡ



Mã SP	Size (mm)	Đơn giá
TPRNCM-2M	L2000*W35*H10	664,000
TPRNCM-3M	L3000*W35*H10	994,000

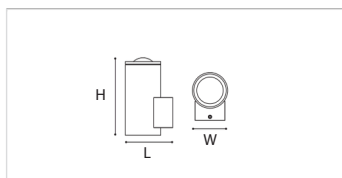


LED WALL LIGHT



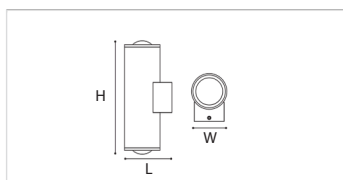
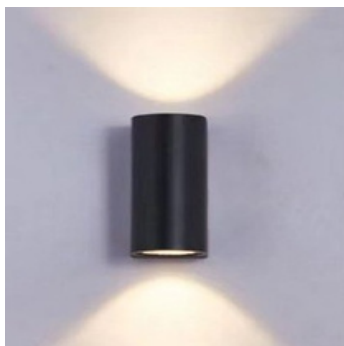
LED Wall Light

COB CRI >95 15-120° 3000K 4000K 6000K



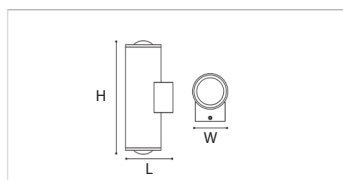
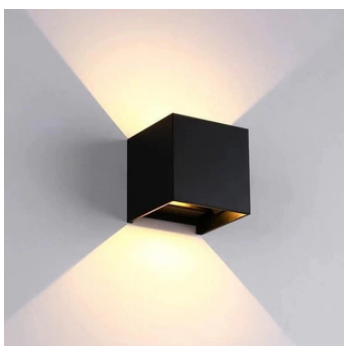
Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
L08101-10	150*65*80	10W	800lm	580,000
L08101-20	200*100*100	20W	1600lm	900,000

○ White ● Black



Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
L08102-10	150 x 65 x 80	10W	800lm	580,000
L08102-20	200 x 100 x 100	20W	1600lm	900,000

○ White ● Black



Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
L08103-10	100x100x100	10W	700lm	440,000

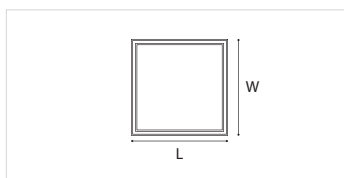
○ White ● Black



LED PANEL LIGHT



○ White ● Silver



bridgelux® EPISTAR

SMD <4 SDCM CRI >80 CRI >90 120° 3000K 4000K 5000K 6000K

Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
L05201-12	300x300	12W	1020lm	520,000
L05202-24	300x600	24W	2400lm	600,000
L05203-40	600x600	40W	4000lm	1,000,000
L05204-40	300x1200	40W	3000lm	1,000,000
L05205-80	600x1200	80W	8000lm	1,400,000



LED GARDEN LIGHT



LED GARDEN LIGHT



Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TP08101-3-7	150 x 105 x 300	7W	550lm	1,100,000
TP08101-6-7	150 x 105 x 600	7W	550lm	1,200,000
TP08101-8-7	150 x 105 x 800	7W	550lm	1,300,000
TP08101-8-10	150 x 105 x 800	10W	800lm	1,500,000



Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TP08102-3-7	95 x 50 x 300	7W	550lm	1,100,000
TP08102-6-7	95 x 50 x 600	7W	550lm	1,200,000
TP08102-8-7	95 x 50 x 800	7W	550lm	1,300,000
TP08102-8-10	95 x 50 x 800	10W	800lm	1,500,000



Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TP08103-3-7	95 x 95 x 300	7W	550lm	1,100,000
TP08103-6-7	95 x 95 x 600	7W	550lm	1,200,000
TP08103-8-7	95 x 95 x 800	7W	550lm	1,300,000
TP08103-8-10	95 x 95 x 800	10W	800lm	1,500,000



Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPSP102-5	Φ48x75	5W	350lm	480,000
TPSP102-7	Φ55x75	7W	550lm	540,000
TPSP102-10	Φ55x75	10W	800lm	580,000



Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPSP103-7	Φ65x100	7W	550lm	520,000
TPSP103-10	Φ65x100	10W	800lm	540,000
TPSP103-12	Φ65x100	12W	1050lm	580,000

IP68



Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPUW101-3	Φ100x90	3W	150lm	contact
TPUW101-6	Φ120x90	6W	450lm	contact
TPUW101-9	Φ150x90	9W	800m	contact
TPUW101-12	Φ150x90	12W	1050lm	contact

IP67



Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPUW101-	Φ65x75	1W	80lm	contact
TPUW101-3	Φ100x75	3W	150lm	contact
TPUW101-6	Φ120x90	6W	450lm	contact
TPUW101-9	Φ160x90	9W	800m	contact
TPUW101-12	Φ160x90	12W	1050lm	contact

LED STRIP LIGHT



Model	Power	LED Type	LED QTY.	Specifications	Price(VND)
TPL1224	12W/M	SMD 2835	120pcs/m	24VDC-5m/roll	140,000
TPL1624	16W/M	SMD 2835	160pcs/m	24VDC-5m/roll	180,000



Model	Power	Specifications	Price(VND)
TPS100-24	100W	24VDC	420,000
TPS200-24	200W	24VDC	460,000



Aluminum profile



Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPRL50	405 x 166 x 79	50W	6,000lm	1,300,000
TPRL100	484 x 211 x 83	100W	12,000lm	2,200,000
TPRL150	580 x 242 x 83	150W	18,000lm	2,900,000



Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPB100	290 x 115	100W	12,000lm	2,800,000
TPB150	340 x 115	150W	18,000lm	3,200,000
TPB200	386 x 118	200W	24,000lm	4,000,000



Model	Dimension(mm)	Power	Luminous flux	Price(VND)
TPL50	240 x 210 x 60	50W	6,000lm	800,000
TPL100	285 x 255 x 85	100W	12,000lm	1,300,000
TPL150	350 x 310 x 90	150W	18,000lm	1,800,000
TPL200	350 x 380 x 95	200W	24,000lm	2,400,000



DANH MỤC ĐÈN CẢNH QUAN CHUYÊN DỤNG

Các sản phẩm đèn chiếu sáng, trang trí cảnh quan, sân vườn của TP Lighting đều được kiểm tra chất lượng chặt chẽ, đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

Các dòng sản phẩm chuyên dụng cho đài phun nước, bể bơi, hồ cảnh... dưới nước đều có độ chịu nước IP68 và điện áp sử dụng 24V AC với nhiều loại công suất khác nhau, công nghệ tự động đổi màu sắc ánh sáng RGB giúp không gian trở nên sống động và rực rỡ.

Các sản phẩm lắp nổi hay âm đất dùng cho chiếu sáng các khu vực như quảng trường, thảm cỏ, đường đi dẫn lối... có nhiều kiểu dáng và mẫu mã khác nhau, phù hợp với mọi nhu cầu sử dụng khác nhau.

• CÚT NỐI



CÚT NỐI CHỮ I - TPCN-I



CÚT NỐI CHỮ T - TPCN-T

Sản phẩm cắt nối dây dẫn giữa đèn với nguồn hoặc đèn với đèn, giúp việc lắp đặt đèn âm nước trở nên an toàn và đơn giản hơn. Cút nối đạt tiêu chuẩn bảo vệ IP68, đảm bảo mỗi nối không bị rò điện khi ngâm dưới nước.

Mã SP	Điện áp tối đa (V)	Dòng tối đa (A)	Lỗ dây	IP	Đơn giá (VNĐ)
TPCN-I	250	16	6-9mm	68	92,000
TPCN-T	250	16	6-9mm	68	145,000

• BỘ ĐỔI NGUỒN



Bộ đổi nguồn dùng cho các loại đèn có điện áp 24V AC, với công dụng chuyển đổi điện áp từ 220V xuống 24V giúp các thiết bị sử dụng ở môi trường ẩm ướt được an toàn. Nguồn đạt tiêu chuẩn IP68 với dải công suất đa dạng.

LƯU Ý KHI LỰA CHỌN BỘ ĐỔI NGUỒN

- Tổng công suất đèn phải nhỏ hơn hoặc bằng 70% công suất của nguồn.
- Khoảng cách giữa nguồn và đèn càng xa thì công suất nguồn càng phải lớn (do tiêu hao trên dây dẫn).

Mã SP	Công suất (W)	Điện áp vào (V)	Điện áp ra (V)	IP	Chất liệu dây	Đơn giá (VNĐ)
TPNN10	10	AC 220	AC 24	68	Đồng	421,000
TPNN20	20	AC 220	AC 24	68	Đồng	533,000
TPNN30	30	AC 220	AC 24	68	Đồng	686,000
TPNN60	60	AC 220	AC 24	68	Đồng	942,000
TPNN100	100	AC 220	AC 24	68	Đồng	1,343,000
TPNN200	200	AC 220	AC 24	68	Đồng	1,809,000
TPNN300	300	AC 220	AC 24	68	Đồng	2,202,000
TPNN400	400	AC 220	AC 24	68	Đồng	2,519,000
TPNN500	500	AC 220	AC 24	68	Đồng	2,907,000



DIVE SERIES - ĐÈN ÂM NƯỚC

[TPN / TPBX / TPBB]

ƯU ĐIỂM NỔI BẬT

- Mức điện áp hoạt động thấp 24V Đảm bảo an toàn cho người sử dụng.
- Cấu tạo hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện cung cấp khả năng bảo vệ khỏi va đập, chống ăn mòn, oxy hóa.
- Chuẩn kháng bụi, kháng nước IP68 Giúp hoạt động trong môi trường thời tiết, có thể ngâm dưới nước.
- Chip LED và nguồn đến từ các thương hiệu nổi tiếng đảm bảo sản phẩm có tuổi thọ lâu dài, bền bỉ.
- Bảo hành chính hãng từ 02 năm lỗi 1 đổi 1 từ nhà sản xuất.
- Tiết kiệm điện năng lên tới 60% với công nghệ LED hiện đại.
- Tuổi thọ cao 50.000 giờ Đem lại lợi ích kinh tế và tiết kiệm tối đa chi phí.

ỨNG DỤNG



Thác nước



Hồ bơi



Hồ cá



Sân vườn



Tiểu cảnh



2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Chất liệu inox 304 chống gỉ, chống ăn mòn bởi hóa chất.
- Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước IP68.
- An toàn về điện, có thể sử dụng dưới nước.

Ứng dụng



THÁC NƯỚC



HỒ BƠI



BỂ CÁ



SÂN VƯỜN



TIỂU CẢNH

Thông số kỹ thuật

Dive Series / Mã: TPN

24 VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
90lm/W

CRI
80+

IK
07

IP
68

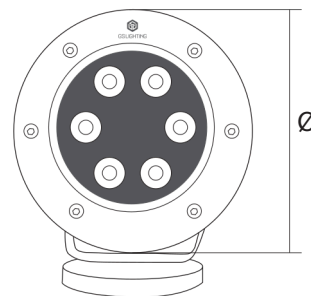
Hrs
50.000

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 24 °

NEMA2 - N



Nguồn

Điện áp (V) AC 24

Tần số (Hz) 50/60

Chip LED / Nguồn HIGHPOWER CREE / DONE

Cấu tạo

Chất liệu Inox 304

Mặt Kính cường lực

Nhiệt độ làm việc -20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPN3	3	3000/RGB	24	68	Ø80	650,000
TPN6	6	3000/RGB	24	68	Ø120	860,000
TPN9	9	3000/RGB	24	68	Ø145	1,130,000
TPN12	12	3000/RGB	24	68	Ø145	1,250,000
TPN15	15	3000/RGB	24	68	Ø160	1,518,000
TPN18	18	3000/RGB	24	68	Ø190	1,868,000
TPN24	24	3000/RGB	24	68	Ø190	1,960,000
TPN36	36	3000/RGB	24	68	Ø230	2,358,000



2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Chất liệu inox 304 chống gỉ, chống ăn mòn bởi hóa chất.
- Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước IP68.
- An toàn về điện, có thể sử dụng dưới nước.

Ứng dụng



THÁC NƯỚC



HỒ BƠI



BỂ CÁ



SÂN VƯỜN



TIỂU CẢNH

Thông số kỹ thuật

Dive Series / Mã: TPBX

24 VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
90lm/W

CRI
80+

IK
07

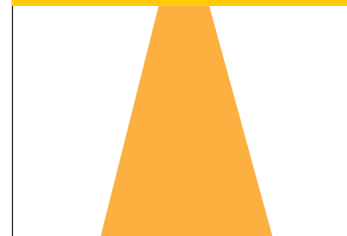
IP
68

Hrs
50.000

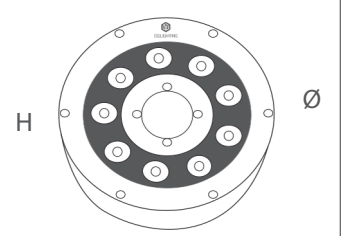
Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 24 °



NEMA2 - N



Nguồn

Điện áp (V)	AC 24
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	HIGHPOWER CREE / DONE

Cấu tạo

Chất liệu	Inox 304
Mặt	Kính cường lực
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPBX6	6	3000/RGB	24	68	Ø130*H75	990,000
TPBX9	9	3000/RGB	24	68	Ø160*H85	1,130,000
TPBX12	12	3000/RGB	24	68	Ø160*H85	1,360,000
TPBX18	18	3000/RGB	24	68	Ø180*H85	1,560,000
TPBX24	24	3000/RGB	24	68	Ø200*H85	1,950,000



2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Chất liệu inox 304 chống gỉ, chống ăn mòn bởi hóa chất.
- Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước IP68.
- An toàn về điện, có thể sử dụng dưới nước.

Ứng dụng



THÁC NƯỚC



HỒ BƠI

Thông số kỹ thuật

Dive Series / Mã: TPBB

24 VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
90lm/W

CRI
80+

IK
07

IP
68

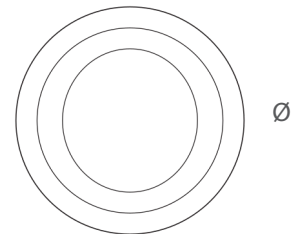
Hrs
50.000

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 24°

NEMA2 - N



Cấu tạo

Chất liệu Inox 304

Mặt Nhựa ABS

Nhiệt độ làm việc -20 - 50°C

Nguồn

Điện áp (V) AC 24

Tần số (Hz) 50/60

Chip LED / Nguồn HIGHPOWER CREE / DONE

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPBB12	12	3000	24	68	Ø230	1,790,000
TPBB12	12	RGB	24	68	Ø230	1,850,000
TPBB18	18	3000	24	68	Ø300	2,390,000
TPBB18	18	RGB	24	68	Ø300	2,404,000



GROUND SERIES - ĐÈN ÂM ĐẤT / ÂM SÀN

[TPDT / TPDV / TPCT]

ƯU ĐIỂM NỔI BẬT

- 2 lựa chọn mức điện áp 24V và 220V đảm bảo an toàn cho người sử dụng.
- Cấu tạo hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện cung cấp khả năng bảo vệ khỏi va đập, chống ăn mòn, oxy hóa.
- Chuẩn kháng bụi, kháng nước IP65 trở lên giúp hoạt động trong môi trường thời tiết khắc nghiệt.
- Chip LED và nguồn đến từ các thương hiệu nổi tiếng đảm bảo sản phẩm có tuổi thọ lâu dài, bền bỉ.
- Bảo hành chính hãng từ 02 năm lỗi 1 đổi 1 từ nhà sản xuất.
- Tiết kiệm điện năng lên tới 60% với công nghệ LED hiện đại.
- Tuổi thọ cao 50.000 giờ đem lại lợi ích kinh tế và tiết kiệm tối đa chi phí.

ỨNG DỤNG



Quảng trường



Công viên



Cây cối



Sân vườn



Tiểu cảnh



Lối đi cầu thang



2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện.
- Mặt bảo vệ inox 304 kèm kính cường lực chống va đập.
- Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước IP65.

Ứng dụng



LỐI ĐI SÂN VƯỜN



CÔNG VIÊN



CÂY CỐI



SÂN VƯỜN



HẦM CẦU THANG

Thông số kỹ thuật

Ground Series / Mã: TPDT

220VAC
24V AC

Luminous
Efficiency
90lm/W

CRI
80+

IK
07

IP
68

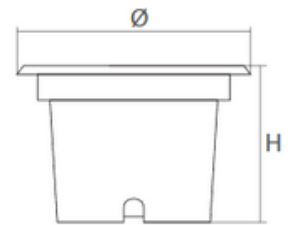
Hrs
50.000

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 24°

NEMA2 - N



Nguồn

Điện áp (V) AC 220 / 24

Tần số (Hz) 50/60

Chip LED / Nguồn HIGHPOWER CREE / DONE

Cấu tạo

Chất liệu Hợp kim nhôm / Nhựa

Mặt Inox 304 / Kính cường lực

Nhiệt độ làm việc -20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Lỗ khoét (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPDT3	3	3000	24	65	Ø110*H85	Ø95	536,000
TPDT5	5	3000	24	65	Ø130*H90	Ø115	690,000
TPDT7	7	3000	24	65	Ø130*H90	Ø115	766,000
TPDT9	9	3000	24	65	Ø150*H90	Ø130	957,000
TPDT12	12	3000	24	65	Ø180*H90	Ø160	1,290,000
TPDT18	18	3000	24	65	Ø220*H90	Ø190	1,490,000
TPDT24	24	3000	24	65	Ø220*H90	Ø210	1,880,000
TPDT36	36	3000	24	65	Ø250*H90	Ø235	2,490,000



2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện.
- Mặt bảo vệ inox 304 kèm kính cường lực chống va đập.
- Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước IP65.

Ứng dụng



LỐI ĐI SÂN VƯỜN



CÔNG VIÊN



CÂY CỐI



SÂN VƯỜN



HẦM CẦU THANG

Thông số kỹ thuật

Ground Series / Mã: TPDT

220VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
90lm/W

CRI
80+

IK
07

IP
65

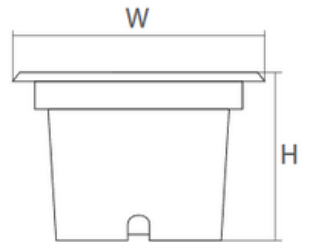
Hrs
50.000

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 24°

NEMA2 - N



Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm / Nhựa
Mặt	Inox 304 / Kính cường lực
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Nguồn

Điện áp (V)	AC 220
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	HIGHPOWER CREE / DONE

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Lỗ khoét (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPDV6	6	3000	24	65	Ø120*H70	W115	999,000
TPDV9	9	3000	24	65	Ø150*H85	W130	1,490,000



2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện.
- Mặt bảo vệ inox 304 kèm kính cường lực chống va đập.
- Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước IP65.

Ứng dụng



Thông số kỹ thuật

Ground Series / Mã: TPCT

220VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
90lm/W

CRI
80+

IK
07

IP
65

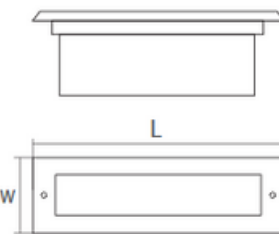
Hrs
50.000

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 24°

NEMA2 - N



Nguồn

Điện áp (V) AC 220

Tần số (Hz) 50/60

Chip LED / Nguồn HIGHPOWER CREE / DONE

Cấu tạo

Chất liệu Hợp kim nhôm / Nhựa

Mặt Inox 304 / Kính cường lực

Nhiệt độ làm việc -20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Lỗ khoét (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPCT2	2	3000	24	65	L110*W50	L105*W40	264,000
TPCT3	3	3000	24	65	L170*W70	L155*W55	330,000



PROJECTOR SERIES - ĐÈN CHIẾU ĐIỂM

[TPCD / TPCDC / TPBZK / TPCNLX / TPTCRX / TPRC / TPRCV / TPCC / TPLT]

ƯU ĐIỂM NỔI BẬT

- 2 mức điện áp 24V và 220V đảm bảo an toàn về điện cho người sử dụng.
- Cấu tạo hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện cung cấp khả năng bảo vệ khỏi va đập, chống ăn mòn, oxy hóa.
- Chuẩn kháng bụi, kháng nước IP65 trở lên giúp hoạt động trong môi trường thời tiết khắc nghiệt.
- Góc chiếu đa dạng, phù hợp với nhiều mục đích sử dụng chuyên dụng để chiếu sáng cảnh quan sân vườn.
- Bảo hành chính hãng từ 02 năm lỗi 1 đổi 1 từ nhà sản xuất.
- Tiết kiệm điện năng lên tới 60% với công nghệ LED hiện đại.
- Tuổi thọ cao 50.000 giờ đem lại lợi ích kinh tế và tiết kiệm tối đa chi phí.

ỨNG DỤNG



Quảng trường



Công viên



Cây cối



Sân vườn



Tiểu cảnh


2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện.
- Mặt bảo vệ inox 304 kèm kính cường lực chống va đập.
- Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước IP65.

Ứng dụng



Quảng trường



Công viên



Cây cối



Sân vườn



Tiểu cảnh

Thông số kỹ thuật

Nguồn

Điện áp (V)	AC 220
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	HIGHPOWER CREE / DONE

Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Mặt	Kính cường lực
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Projector Series / Mã: TPCD

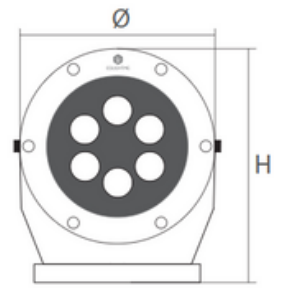
220VAC 50 Hz	Luminous Efficiency 90lm/W	CRI 80+	IK 07	IP 66	Hrs 50.000
-----------------	----------------------------------	------------	----------	----------	---------------

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 24°

NEMA2 - N



Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPCD3	3	3000	24	66	Ø75*H110	460,000
TPCD5	5	3000	24	66	Ø95*H140	830,000
TPCD7	7	3000	24	66	Ø120*H155	890,000
TPCD9	9	3000	24	66	Ø120*H155	1,150,000
TPCD12	12	3000	24	66	Ø180*H210	1,500,000
TPCD15	15	3000	24	66	Ø180*H210	1,800,000
TPCD24	24	3000	24	66	Ø230*H260	2,000,000
TPCD36	36	3000	24	66	Ø230*H260	2,500,000



2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện.
- Mặt bảo vệ kính cường lực chống va đập.
- Trang bị thấu kính cho khả năng chiếu xa hơn.

Ứng dụng



Quảng trường



Công viên



Cây cối



Sân vườn



Tiểu cảnh

Projector Series / Mã: TPCDC

220VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
110lm/W

CRI
80+

IK
07

IP
66

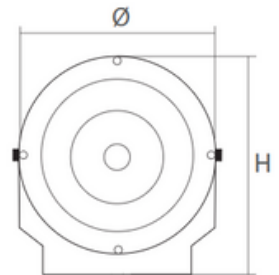
Hrs
50.000

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 24°

NEMA2 - N



Thông số kỹ thuật

Nguồn

Điện áp (V) AC 220

Tần số (Hz) 50/60

Chip LED / Nguồn BRIDGELUX / DONE

Cấu tạo

Chất liệu Hợp kim nhôm

Mặt Kính cường lực

Nhiệt độ làm việc -20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPCDC10	10	3000	24	66	Ø100*H90	931,000
TPCDC20	20	3000	24	66	Ø130*H90	1,406,000
TPCDC30	30	3000	24	66	Ø150*H105	1,778,000
TPCDC50	50	3000	24	66	Ø180*H140	2,300,000



Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện.
- Dây nối chống nước ngược đảm bảo an toàn.
- Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước IP66.

Ứng dụng



Quảng trường



Công viên



Cây cối



Sân vườn



Tiểu cảnh

Projector Series / Mã: TPBZK

220VAC
24V AC

Luminous
Efficiency
110lm/W

CRI
80+

IK
07

IP
66

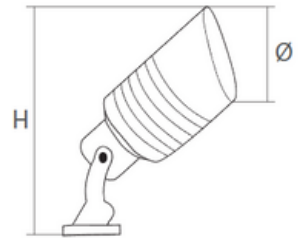
Hrs
50.000

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 24°

NEMA2 - N



Thông số kỹ thuật

Nguồn

Điện áp (V)	AC 220 / 24
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	COB SHENZHEN / DONE

Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Mặt	Kính cường lực
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPBZK3	3	3000	24	66	Ø40*H120	1,299,000
TPBZK7	7	3000	24	66	Ø55*H130	1,568,000
TPBZK12	12	3000	24	66	Ø65*H140	2,215,000
TPBZK18	18	3000	24	66	Ø75*H160	2,750,000



2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện.
- Dây nối chống nước ngược đảm bảo an toàn.
- Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước IP66.

Ứng dụng



Quảng trường



Công viên



Cây cối



Sân vườn



Tiểu cảnh

Thông số kỹ thuật

Nguồn

Điện áp (V)	AC 220 / 24
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	COB SHENZHEN / DONE

Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Mặt	Kính cường lực
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Projector Series / Mã: TPCNLX

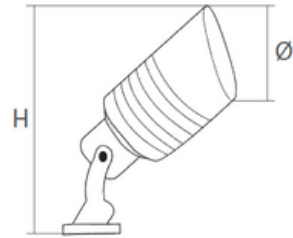
220VAC 24V AC	Luminous Efficiency 110lm/W	CRI 80+	IK 07	IP 66	Hrs 50.000
------------------	-----------------------------------	------------	----------	----------	---------------

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 24°

NEMA2 - N



Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPCNLX3	3	3000	24	66	Ø40*H75	805,000
TPCNLX7	7	3000	24	66	Ø50*H80	1,168,000
TPCNLX12	12	3000	24	66	Ø55*H185	1,550,000
TPCNLX15	15	3000	24	66	Ø60*H200	1,966,000



Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện.
- Dây nối chống nước ngược đảm bảo an toàn.
- Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước IP66.

Ứng dụng



Quảng trường



Công viên



Cây cối



Sân vườn



Tiểu cảnh

Thông số kỹ thuật

Nguồn

Điện áp (V)	AC 220 / 24
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	COB SHENZHEN / DONE

Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Mặt	Kính cường lực
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Projector Series / Mã: TPTCRX

220VAC
24V AC

Luminous
Efficiency
110lm/W

CRI
80+

IK
07

IP
66

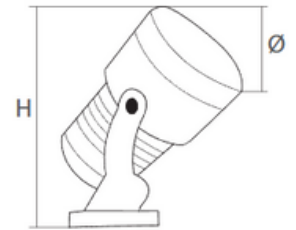
Hrs
50.000

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 24°

NEMA2 - N



Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPTCRX7	7	3000	24	66	Ø50*H90	960,000
TPTCRX10	10	3000	24	66	Ø60*H110	1,351,000
TPTCRX15	15	3000	24	66	Ø60*H185	1,704,000
TPTCRX20	20	3000	24	66	Ø100*H145	2,269,000



2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện.
- Dây nối chống nước ngược đảm bảo an toàn.
- Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước IP66.

Ứng dụng



Cây cối



Sân vườn



Tiểu cảnh

Thông số kỹ thuật

Projector Series / Mã: TPCC

220VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
90lm/W

CRI
80+

IK
07

IP
65

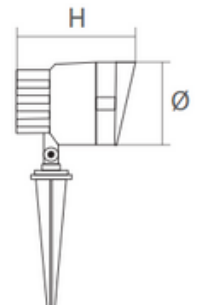
Hrs
50.000

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 24°

NEMA2 - N



Nguồn

Điện áp (V)	AC 220 / 24
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	COB SHENZHEN / DONE

Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Mặt	Kính cường lực
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPCC3	3	3000	24	65	Ø45*H70	475,000
TPCC5	5	3000	24	65	Ø85*H95	783,000
TPCC7	7	3000	24	65	Ø105*H100	1,156,000
TPCC9	9	3000	24	65	Ø145*H120	1,300,000
TPCC12	12	3000	24	65	Ø150*H120	1,439,000



2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện chắc chắn.
- Dễ dàng lắp đặt với chân cắm chuyên dụng đi kèm.
- Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước IP66.

Ứng dụng



Cây cối



Sân vườn



Tiểu cảnh

Thông số kỹ thuật

Projector Series / Mã: TPCC/COB

220VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
90lm/W

CRI
80+

IK
07

IP
66

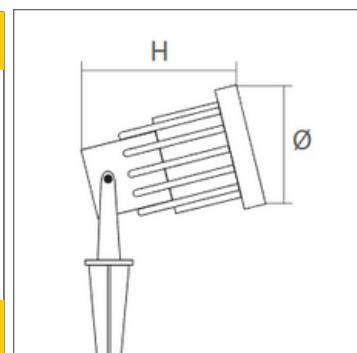
Hrs
50.000

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 24°

NEMA2 - N



Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Mặt	Kính cường lực
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Nguồn

Điện áp (V)	AC 220
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	BRIDGELUX / DONE

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPCC/COB3	3	3000	24	66	Ø35*H75	283,000
TPCC/COB5	5	3000	24	66	Ø90*H135	384,000
TPCC/COB7	7	3000	24	66	Ø95*H135	483,000



2 Năm
Bảo hành

Projector Series / Mã: TPRC

220VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
110lm/W

CRI
80+

IK
07

IP
66

Hrs
50.000

Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm, mặt bảo vệ kính cường lực.
- Hệ thấu kính nhiều mắt lồi cho luồng sáng tập trung.
- Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước IP66.

Ứng dụng



MẶT NGOÀI TÒA NHÀ



RỌI CỘT

Thông số kỹ thuật

Nguồn

Điện áp (V) AC 220

Tần số (Hz) 50/60

Chip LED / Nguồn HIGHPOWER CREE / DONE

Cấu tạo

Chất liệu Hợp kim nhôm

Mặt Kính cường lực

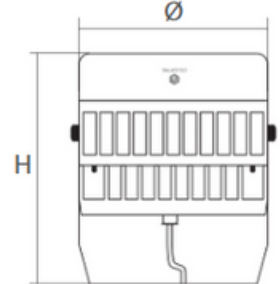
Nhiệt độ làm việc -20 - 50°C

Góc chiếu

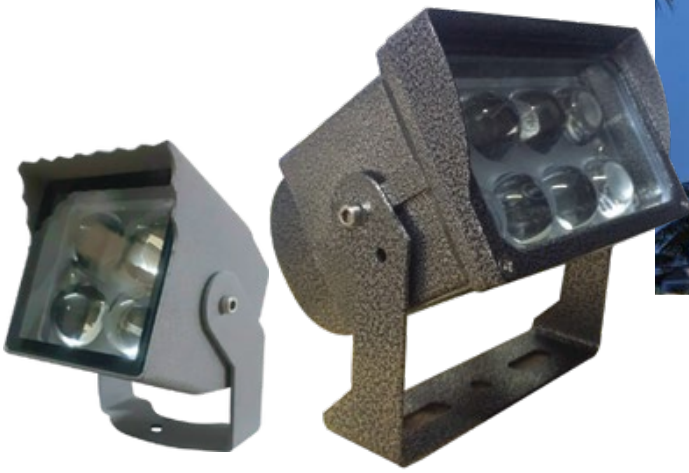
Hoàn thiện

Beam 10°

NEMA0 - UN



Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPRC10	10	3000	10	66	Ø70*H100	1,263,000
TPRC18	18	3000	10	66	Ø130*H95	2,047,000
TPRC27	27	3000	10	66	Ø150*H105	2,500,000
TPRC36	36	3000	10	66	Ø180*H115	3,100,000
TPRC54	54	3000	10	66	Ø200*H115	4,800,000
TPRC81	81	3000	10	66	Ø255*H135	7,704,000



Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm, mặt bảo vệ kính cường lực.
- Hệ thấu kính nhiều mắt lồi cho luồng sáng tập trung.
- Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước IP66.

Ứng dụng



MẶT NGOÀI TÒA NHÀ



RỌI CỘT

Thông số kỹ thuật

Projector Series / Mã: TPRCV

220VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
110lm/W

CRI
80+

IK
07

IP
66

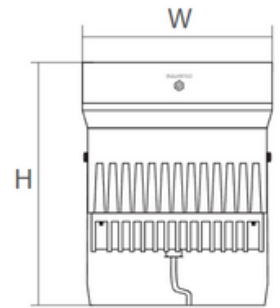
Hrs
50.000

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 10°

NEMA0 - UN



Nguồn

Điện áp (V)	AC 220
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	HIGHPOWER CREE / DONE

Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Mặt	Kính cường lực
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPRCV12	12	3000	10	66	W85*H100	1,400,000
TPRCV18	18	3000	10	66	W120*H130	1,890,000
TPRCV24	24	3000	10	66	W145*H150	2,950,000
TPRCV36	36	3000	10	66	W195*H210	4,150,000



2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Chất liệu inox 304 chống ăn mòn, mặt kính cường lực.
- Kiểu dáng đơn giản, dễ dàng lắp đặt, sử dụng.
- Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước IP66.

Ứng dụng



MẶT NGOÀI TÒA NHÀ



RỌI CỘT



HẮT CHÂN TƯỜNG

Thông số kỹ thuật

Nguồn

Điện áp (V)	AC 220
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	HIGHPOWER CREE / DONE

Cấu tạo

Chất liệu	Inox 304
Mặt	Kính cường lực
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Projector Series / Mã: TPLT

220VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
110lm/W

CRI
80+

IK
06

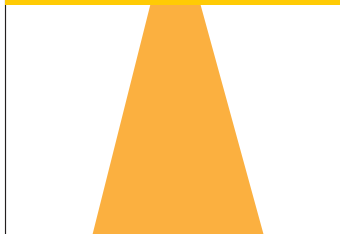
IP
66

Hrs
50.000

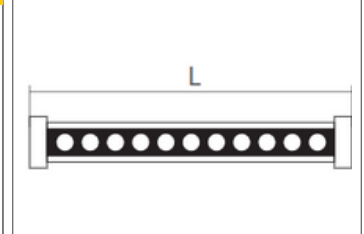
Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 24°



NEMA2 - N



Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPLT18	18	3000	24	66	L1000	932,000
TPLT18	18	RGB	24	66	L1000	1,129,000
TPLT24	24	3000	24	66	L1000	1,311,000
TPLT24	24	RGB	24	66	L1000	1,650,000
TPLT36	36	3000	24	66	L1000	1,500,000
TPLT36	36	RGB	24	66	L1000	1,850,000



INDUSTRIAL SERIES - ĐÈN CÔNG NGHIỆP

[TP-PN / TPCSC / TPRX / TPDD]

ƯU ĐIỂM NỔI BẬT

- Chip LED và bộ nguồn từ các thương hiệu nổi tiếng cho hoạt động bền bỉ và tuổi thọ lâu dài.
- Cấu tạo hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện cung cấp khả năng bảo vệ khỏi va đập, chống ăn mòn, oxy hóa chuẩn kháng bụi, kháng nước IP65 trở lên giúp hoạt động trong môi trường thời tiết khắc nghiệt.
- Khả năng chống sốc điện lên tới 10kV đem lại độ an toàn tuyệt đối cho người sử dụng.
- Bảo hành chính hãng từ 02 năm lỗi 1 đổi 1 từ nhà sản xuất.
- Tiết kiệm điện năng lên tới 60% với công nghệ LED hiện đại.
- Tuổi thọ cao 50.000 giờ đem lại lợi ích kinh tế và tiết kiệm tối đa chi phí.

ỨNG DỤNG



Bãi đỗ xe



Sân vận động



Biển quảng cáo



Khu thể thao



Nhà xưởng



Đường phố



Khu công nghiệp



2 Năm Bảo hành

Industrial Series / Mã: TP-PN

220VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
120lm/W

CRI
80+

IK
08

IP
66

Hrs
50.000

Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm phủ sơn tĩnh điện chắc chắn.
- Chống sốc điện 5kV, cấp bảo vệ IP66.
- Mặt đèn trang bị kính cường lực nhám mờ.

Ứng dụng



BÃI ĐỖ XE



SÂN VẬN ĐỘNG



BIỂN QUẢNG CÁO



KHU THỂ THAO

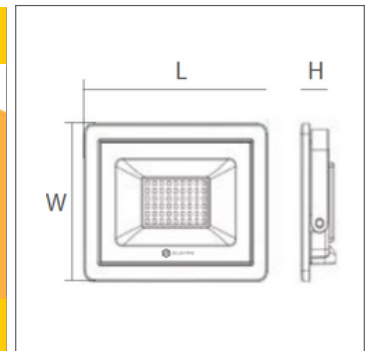
Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 120°



NEMA6 - W



Thông số kỹ thuật

Nguồn

Điện áp (V)	AC 220
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	SMD OSRAM / OSRAM

Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Mặt	Kính cường lực
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TP-PN10	10	3000/6000	120	66	L103*W83*H24	242,000
TP-PN20	20	3000/6000	120	66	L121*W95*H26.5	368,000
TP-PN30	30	3000/6000	120	66	L160*W122*H30	544,000
TP-PN50	50	3000/6000	120	66	L206*W160*H30	715,000
TP-PN100	100	3000/6000	120	66	L270*W210*H30	1,210,000
TP-PN150	150	3000/6000	120	66	L330*W250*H38	1,990,000
TP-PN200	200	3000/6000	120	66	L370*W270*H38	2,450,000



Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm phủ sơn tĩnh điện chắc chắn.
- Chống xung sét 10kV, cấp bảo vệ IP65.
- Trang bị van thoát hơi nước, mặt đèn kính cường lực.

Ứng dụng



Industrial Series / Mã: TPCSC

220VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
120lm/W

CRI
80+

IK
08

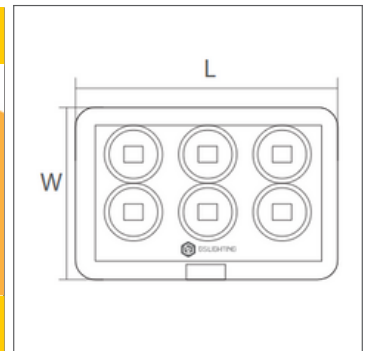
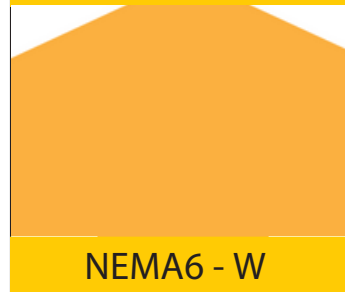
IP
65

Hrs
50.000

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 120°



Thông số kỹ thuật

Nguồn

Điện áp (V)	AC 220
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	SMD OSRAM / DONE

Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Mặt	Kính cường lực
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPCSC150	150	3000/6000	120	65	L419*W315*H87	2,885,000
TPCSC200	200	3000/6000	120	65	L419*W315*H87	3,812,000
TPCSC250	250	3000/6000	120	65	L419*W315*H87	4,740,000
TPCSC300	300	3000/6000	120	65	L526*W345*H100	5,357,000
TPCSC400	400	3000/6000	120	65	L627*W356*H100	6,435,000
TPCSC500	500	3000/6000	120	65	L832*W360*H100	7,959,000
TPCSC600	600	3000/6000	120	65	L970*W360*H100	9,694,000
TPCSC700	700	3000/6000	120	65	L1030*W370*H110	12,467,000
TPCSC800	800	3000/6000	120	65	L1090*W370*H110	13,395,000



2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm phủ sơn tĩnh điện chắc chắn.
- Chống xung sét 5kV, cấp bảo vệ IP65 chống ẩm ướt.
- Tản nhiệt tốt và ít tiêu thụ điện năng giúp tiết kiệm chi phí.

Ứng dụng



NHÀ XƯỞNG



KHU CÔNG NGHIỆP



PHÒNG TẬP

Thông số kỹ thuật

Industrial Series / Mã: TPUFO

220VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
120lm/W

CRI
80+

IK
07

IP
65

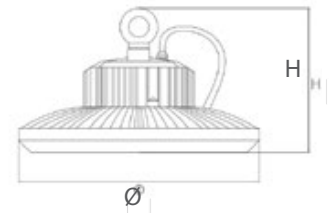
Hrs
50.000

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 90°

NEMA5 - MW



Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Mặt	Nhựa ABS
Nhiệt độ làm việc	-20 - 60°C

Nguồn

Điện áp (V)	AC 220
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	COB BRIDGELUX / DONE

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPUFO100	100	3000/6000	90	65	Ø240*H200	2,340,000
TPUFO150	150	3000/6000	90	65	Ø300*H245	3,510,000
TPUFO200	200	3000/6000	90	65	Ø330*H280	4,320,000



Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm phủ sơn tĩnh điện chắc chắn.
- Chống xung sét 10kV, cấp bảo vệ IP66.
- Mặt đèn trang bị kính cường lực chống va đập.

Ứng dụng



ĐƯỜNG GIAO THÔNG



ĐƯỜNG ĐÔ THỊ



ĐƯỜNG CAO TỐC

Thông số kỹ thuật

Industrial Series / Mã: TPDD

220VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
120lm/W

CRI
80+

IK
07

IP
66

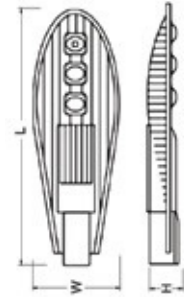
Hrs
50.000

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 90°

NEMA5 - MW



Cấu tạo

Chất liệu	Hợp kim nhôm
Mặt	Kính cường lực
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Nguồn

Điện áp (V)	AC 220
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	COB BRIDGELUX / DONE

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	IP	Kích thước (mm)	Lỗ cần (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPDD50	50	3000/6000	90	66	L495*W210*H70	Ø45	1,260,000
TPDD100	100	3000/6000	90	66	L720*W280*H80	Ø60	2,610,000
TPDD150	150	3000/6000	90	66	L850*W340*H80	Ø60	4,050,000
TPDD200	200	3000/6000	90	66	L950*W350*H80	Ø60	4,680,000



2 Năm
Bảo hành

Đặc điểm

- Chất liệu hợp kim nhôm phủ sơn tĩnh điện chắc chắn.
- Chống xung sét 10kV, cấp bảo vệ IP66.
- Có khả năng chiếu xa lên tới 1000m.

Ứng dụng



CẦU CẢNG



ĐƯỜNG BIỂN



TÒA NHÀ



SÂN VẬN ĐỘNG

Thông số kỹ thuật

Industrial Series / Mã: TPDD

220VAC
50 Hz

Luminous
Efficiency
130lm/W

CRI
80+

IK
08

IP
66

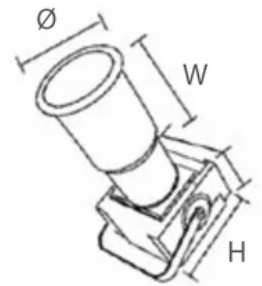
Hrs
50.000

Góc chiếu

Hoàn thiện

Beam 5°

NEMA0 - UN



Nguồn

Điện áp (V)	AC 220
Tần số (Hz)	50/60
Chip LED / Nguồn	COB BRIDGELUX / DONE

Cấu tạo

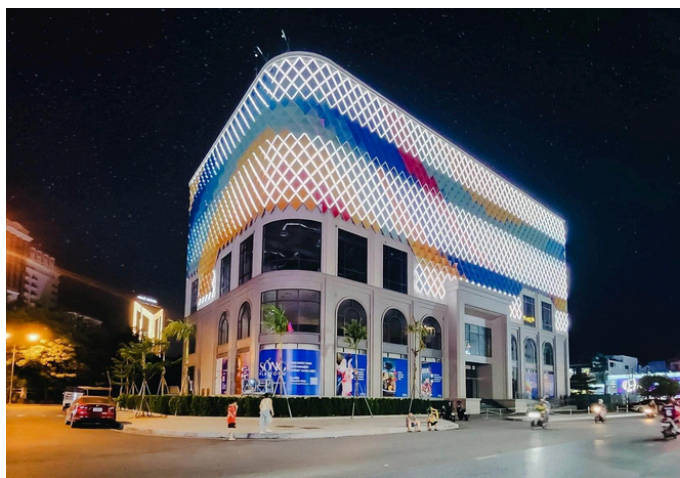
Chất liệu	Hợp kim nhôm
Mặt	Kính cường lực
Nhiệt độ làm việc	-20 - 50°C

Mã SP	Công suất (W)	CCT (K)	Beam (°)	Chiều xa	IP	Kích thước (mm)	Đơn giá (VNĐ)
TPRX100	100	4000/6000	5	500m	66	Ø270*W290*H210	17,965,000
TPRX150	150	4000/6000	5	700m	66	Ø370*W390*H320	24,211,000
TPRX200	200	4000/6000	5	1000m	66	Ø420*W450*H350	36,855,000

TYPICAL PROJECTS



Central Plaza My Tho



SÔNG PLATFORM



The PIZZA Company



CHANG - Modern Thai Cuisine



Mockup room The Gio Binh Duong



Payon Dalat Villa and Resort



Làng Quýt - Ba Vì Hạng mục: Chiếu sáng cảnh quan - nội thất



Showroom ô tô Honda Hạng mục: Chiếu sáng nội thất



Xưởng sản xuất mẫu và showroom Dugarco Hạng mục: Chiếu sáng nội thất



